

Số: 170/ĐT-CBTT

Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 07 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

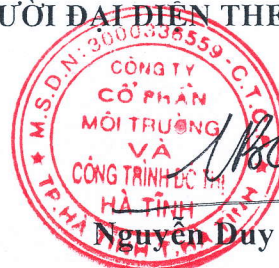
1. Tên công ty: Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Hà Tĩnh.
2. Trụ sở chính: Số 161, đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
3. Điện thoại: 02393 855 429.
4. Fax: 02393 855 429.
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Duy Bằng
6. Chức vụ: Giám đốc Công ty.
7. Điện thoại cơ quan: 02393 855 429
8. Loại thông tin công bố: 24h 72 giờ Yêu cầu Bất thường Định kỳ
9. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính quý II/2018 (có BCTC gửi kèm theo)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Duy Bằng

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	05
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 25

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.143.507.053	89.480.103.459
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	3.661.631.001	7.309.111.120
1. Tiền	111		3.661.631.001	7.309.111.120
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	41.756.846.159	40.636.514.424
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		41.756.846.159	40.636.514.424
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.359.425.928	37.972.211.556
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	37.029.573.331	36.740.915.641
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	54.336.000	231.316.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.5.	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	822.648.445	1.497.361.863
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7.	(547.131.848)	(497.381.948)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8.	4.137.587.876	3.233.421.339
1. Hàng tồn kho	141		4.137.587.876	3.233.421.339
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		228.016.089	328.845.020
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.	228.016.089	217.487.229
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16.	-	111.357.791
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141.841.140.282	146.205.435.422
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.315.644.855	4.183.342.960
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3.	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4.	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6.	3.315.644.855	4.183.342.960
II. Tài sản cố định	220		122.990.188.781	123.793.015.912
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11.	122.990.188.781	123.793.015.912
- Nguyên giá	222		197.969.103.117	193.291.043.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.978.914.336)	(69.498.027.532)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.891.411.272	17.966.998.545
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9.	14.891.411.272	17.966.998.545
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		643.895.374	262.078.005
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	643.895.374	262.078.005
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		228.984.647.335	235.685.538.881

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
C NỢ PHẢI TRẢ	300		48.327.022.268	54.151.162.361
I. Nợ ngắn hạn	310		27.713.919.053	30.684.608.609
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14.	7.314.941.274	8.637.368.130
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15.	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16.	766.769.401	462.054.617
4. Phải trả người lao động	314		8.070.265.521	9.755.766.360
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17.	1.105.518.692	1.093.264.278
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19.	330.409.091	132.000.001
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.	1.867.154.427	1.886.669.942
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13.	2.940.893.850	2.940.893.850
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20.	237.918.775	2.793.875.775
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.080.048.022	2.982.715.656
II. Nợ dài hạn	330		20.613.103.215	23.466.553.752
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.17.	991.413.728	1.506.719.235
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18.	3.353.644.854	4.221.342.959
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13.	16.268.044.633	17.738.491.558
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		180.657.625.067	181.534.376.520
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21.	180.657.625.067	181.534.376.520
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		164.383.820.000	164.383.820.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		164.383.820.000	164.383.820.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.524.207.782	1.974.997.627
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.649.597.285	5.175.558.893
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		848.417.142	1.514.157.858
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.801.180.143	3.661.401.035
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		11.100.000.000	10.000.000.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		228.984.647.335	235.685.538.881

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Thị Thu Trang

Nguyễn Thị Ánh

Nguyễn Duy Bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2018	Từ 01/04/2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	23.007.612.688	23.525.000.009	46.208.941.582	41.740.730.213
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	168.113	59.381.818	26.383.567	84.401.818
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		23.007.444.575	23.465.618.191	46.182.558.015	41.656.328.395
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	19.662.295.676	20.110.878.472	40.877.308.743	35.666.024.665
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.345.148.899	3.354.739.719	5.305.249.272	5.990.303.730
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	143.635.644	798.082.204	1.115.912.783	1.100.917.591
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	426.717.190	439.606.904	469.617.191	439.606.904
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		426.717.190	439.606.904	469.617.191	439.606.904
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.2	34.050.611	123.583.456	109.745.453	214.841.267
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.1	1.959.881.996	2.462.408.021	3.647.334.468	4.206.997.212
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		1.068.134.746	1.127.223.542	2.194.464.943	2.229.775.938
11. Thu nhập khác	31		70.802.000	197.253.000	72.892.909	197.253.000
12. Chi phí khác	32	VI.7.	446.925	39.596.000	474.791	39.596.000
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		70.355.075	157.657.000	72.418.118	157.657.000
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		1.138.489.821	1.284.880.542	1.138.489.821	1.284.880.542
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	240.024.270	264.895.308	465.702.918	485.405.787
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		898.465.552	1.019.985.234	1.801.180.144	1.902.027.151
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0,0055	0,0062	0,0110	0,0116
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 06 năm 2018

Người lập biểu



Lê Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ánh

Giám đốc



Nguyễn Duy Bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		49.021.063.492	68.184.358.056
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(23.944.672.317)	(28.192.317.521)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.253.251.101)	(20.475.440.490)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(983.768.284)	(960.242.464)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(430.550.611)	(634.346.764)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.101.689.807	2.005.942.260
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.182.356.862)	(4.614.471.778)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		328.154.124	15.313.481.299
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.446.591.400)	(836.193.422)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(22.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.030.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.049.912	380.965.478
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.439.541.488)	(22.125.227.944)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	4.200.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.470.446.925)	(670.446.925)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.065.645.830)	(969.864.696)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.536.092.755)	2.559.688.379
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(3.647.480.119)	(4.252.058.266)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.309.111.120	21.027.773.384
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	3.661.631.001	16.775.715.118

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 06 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Lê Thị Thu Trang

Nguyễn Thị Ánh

Nguyễn Duy Bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường và Đô thị Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty TNHH MTV Quản lý công trình Đô thị Hà Tĩnh theo quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 29/07/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý công trình đô thị Hà Tĩnh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3000336559 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty: **164.383.820.000 đồng** (Một trăm sáu mươi tư tỷ, ba trăm tám mươi ba triệu, tám trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 16.438.382 CP

2. Tên gọi, trụ sở, người đại diện

Tên công ty : Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Hà Tĩnh

Địa chỉ : Số 161, đường Xuân Diệu, Phường Bắc Hà, Tp Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại : 0393 855429, Fax: 0393 855429

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Duy Bằng – Giám đốc công ty

Nhân sự: Số lượng cán bộ công nhân viên có mặt tại ngày 30/06/2018: 277 người

3. Lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề đăng ký kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, hoạt động xây lắp, sản xuất và kinh doanh các mặt hàng, thiết bị dịch vụ về vệ sinh môi trường, điện, cây xanh.

Các ngành nghề đăng ký kinh doanh chính:

Dịch vụ vệ sinh môi trường; quản lý khai thác sử dụng và bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật; chăm sóc, duy tu các công trình cây xanh đô thị; duy tu bảo dưỡng giao thông đô thị, dịch vụ hút bùn, hút hầm vệ sinh; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Thiết kế cải tạo, làm mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, công viên cây xanh đô thị, giao thông đô thị; Tư vấn quản lý dự án; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

Hoạt động các khu đất dùng cho tiêu hủy rác thải không độc hại; Tiêu hủy rác thải không độc hại bằng cách đốt cháy hoặc thiêu hủy hoặc bằng các phương pháp khác có hoặc không có dẫn đến sản xuất điện hoặc hơi nước, các nhiên liệu thay thế, khí đốt sinh học, tro hoặc các sản phẩm cho mục đích khác; Sản xuất phân hữu cơ vi sinh; sản xuất phân hữu cơ sinh học; sản xuất phân hữu cơ khoáng, phân bón lá; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; tái chế phế liệu; Cho thuê văn phòng;

Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây có hạt chứa dầu;

Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; trồng cây hàng năm khác; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Chăn nuôi trâu, bò; Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi gia cầm; Chăn nuôi khác.

Các ngành nghề kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các chi nhánh, bộ phận trực thuộc:

Tên chi nhánh, bộ phận	Địa chỉ	Mã số thuế
Chi nhánh Thương mại và Dịch vụ Môi trường	Thôn 1 - Xã Cẩm Quan - Huyện Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh	3000336559-001
Chi nhánh Chiếu sáng Đô thị	Số 161 đường Xuân Diệu - Phường Bắc Hà - TP Hà Tĩnh - Hà Tĩnh	3000336559-002
Chi nhánh Vệ sinh môi trường	"	3000336559-003
Chi nhánh Công viên cây xanh	"	3000336559-004
Chi nhánh Quản lý Hạ tầng xây lắp	"	3000336559-005
Bộ phận Vận chuyển xe máy	"	"

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính năm của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của các Ngân hàng TMCP mà Công ty mở tài khoản và thường xuyên phát sinh giao dịch.

- Trong đó:

+ Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá hạch toán của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/01/2015

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hiện có của công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018

các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 tính cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán và được đánh giá khó có khả năng thu hồi.
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

• Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng được đánh giá là còn có khả năng thu hồi công ty chưa trích lập dự phòng. Cụ thể, một số công nợ có nguồn gốc từ ngân sách ít có rủi ro về khả năng thanh toán nợ, do vậy tại thời điểm quyết toán lập báo cáo tài chính Công ty không thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và thành phẩm, phương pháp thực tế đích danh đối với công trình xây lắp và hoạt động công ích. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Số 147/2016/TT-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018

BTC ngày 12/10/2016 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 v/v sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC và 147/2016/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc và thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
- Tài sản cố định khác	

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty được ghi nhận theo giá gốc. Bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị đang trong giai đoạn đầu tư lắp đặt, chi phí tư vấn và các chi phí khác liên quan phù hợp với chính sách kế toán mà công ty áp dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ thời gian 12 tháng hoặc 1 năm với chi phí trả trước ngắn hạn và với thời hạn từ một năm trở lên đối với chi phí trả trước dài hạn. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018

trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Riêng nợ phải trả khác của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính. Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản chi phí trích trước chi phí lãi vay trong thời gian ân hạn của hợp đồng vay dài là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng phải trả bảo hành công trình xây lắp, dự phòng tiền lương. Các khoản dự phòng này được xác định trên cơ sở ước tính của Ban giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán các nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, phù hợp với qui định trong chuẩn mực kế toán số 18- Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước về cho thuê văn phòng.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: doanh thu bán hàng hóa, doanh thu dịch vụ công ích và dịch vụ khác, doanh thu hoạt động xây lắp, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo khối lượng công việc hoàn thành, được khách hàng xác nhận bằng biên bản nghiệm thu và chấp nhận thanh toán, phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu từ lãi tiền gửi Ngân hàng.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của công ty là các khoản thu nhập từ hoàn nhập chi phí bảo hành công trình, thu nhập từ thanh lý nhượng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản cắt giảm công trình xây lắp.

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế của từng công trình, phù hợp với tỷ lệ trong hợp đồng giao khoán, tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành: không chịu thuế với dịch vụ duy trì, quản lý công viên cây xanh và điện chiếu sáng, mùn hữu cơ sản xuất từ rác thải sinh hoạt; thuế suất áp dụng là 5% đối với hoạt động bán cây, 10% với các hoạt động khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán		30/06/2018		01/01/2018	
		VND		VND	
1. Tiền và các khoản tương đương tiền					
Tiền mặt		616.623.100		359.177.600	
Tiền gửi ngân hàng		3.045.007.901		6.949.933.520	
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hà Tĩnh</i>		<i>1.945.007.901</i>		<i>6.949.933.520</i>	
<i>Phòng GD kho bạc nhà nước Hà Tĩnh</i>		<i>1.100.000.000</i>		-	
Các khoản tương đương tiền		0		0	
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hà Tĩnh</i>		<i>0</i>		-	
Cộng		3.661.631.001		7.309.111.120	
2. Các khoản đầu tư tài chính					
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30/06/2018		01/01/2018	
		VND		VND	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn					
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng (thời gian đáo hạn còn lại):		41.756.846.159	41.756.846.159	40.636.514.424	40.636.514.424
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hà Tĩnh</i>		<i>41.756.846.159</i>	<i>41.756.846.159</i>	<i>40.636.514.424</i>	<i>40.636.514.424</i>
Cộng		41.756.846.159	41.756.846.159	40.636.514.424	40.636.514.424
3. Phải thu của khách hàng		30/06/2018		01/01/2018	
		VND		VND	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu của khách hàng ngắn hạn					
UBND thành phố Hà Tĩnh		23.777.175.715	-	19.511.553.776	-
Phòng Tài nguyên môi trường huyện Cẩm Xuyên		5.204.074.000	-	3.546.178.000	-
Công ty TNHH Hòa Hiệp		3.812.646.470	-	9.759.571.231	-
Các đối tượng khác		4.235.677.146	547.131.848	3.923.612.634	497.381.948
Cộng		37.029.573.331	547.131.848	36.740.915.641	497.381.948
4. Trả trước cho người bán				30/06/2018	01/01/2018
				VND	VND
Ngắn hạn					
Công ty Cổ phần EQS				33.000.000	33.000.000
Trung tâm nghiên cứu phân bón và dinh dưỡng cây trồng				-	150.000.000
Trung tâm quan trắc và kỹ thuật môi trường				21.336.000	48.316.000
Cộng				54.336.000	231.316.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho	30/06/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	843.554.855	-	938.432.451	-
Công cụ, dụng cụ	17.167.687	-	14.007.466	-
Chi phí sản xuất kinh doanh DD	3.089.314.916	-	2.034.544.382	-
Thành phẩm	187.550.418	-	246.437.040	-
Cộng	4.137.587.876	-	3.233.421.339	-

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	01/01/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/06/2018
	VND	VND	VND	VND
	Chi phí XDCB dở dang:	17.966.998.545	1.632.421.553	4.708.008.826
DA: Xây dựng Lò đốt rác 72 tấn/ngày	17.938.194.909	1.444.000.000	4.519.587.273	14.862.607.636
DA: xây dựng khu vườn ươm kết hợp bãi tập kết xà bần	28.803.636			28.803.636
DA: nhà gara xe điện	-	158.472.400	158.472.400	-
Máy CCDC		29.949.153	29.949.153	-
Cộng	17.966.998.545	1.632.421.553	4.708.008.826	14.891.411.272

10. Chi phí trả trước :	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
	a) Ngắn hạn	228.016.089
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	187.217.844	138.439.729
Chi phí quy hoạch vùng đệm nhà máy	30.817.045	67.797.500
Phần mềm giá dịch vụ	3.750.000	11.250.000
Bảo hiểm xe	6.231.200	
b) Dài hạn	643.895.374	262.078.005
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	477.395.374	262.078.005
Chi phí khảo nghiệm phân bón	150.000.000	
Đinh vị GPRSS	16.500.000	
Cộng	871.911.463	479.565.234

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH
 Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
QUỐC CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình							Đơn vị tính: VND
Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng		
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2018	78.278.889.398	87.541.732.813	27.301.156.151	169.265.082	193.291.043.444		
Mua trong kỳ							
Đầu tư XD CB hoàn thành	4.678.059.673				4.678.059.673		
Thanh lý, nhượng bán							
Số dư ngày 30/06/2018	82.956.949.071	87.541.732.813	27.301.156.151	169.265.082	197.969.103.117		
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2018	15.988.041.666	30.464.065.174	22.945.807.541	100.113.151	69.498.027.532		
Khấu hao trong kỳ	2.000.273.013	2.875.199.001	590.795.046	14.619.744	5.480.886.804		
Thanh lý, nhượng bán							
Số dư ngày 30/06/2018	17.988.314.679	33.339.264.175	23.536.602.587	114.732.895	74.978.914.336		
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2018	62.290.847.732	57.077.667.639	4.355.348.610	69.151.931	123.793.015.912		
Tại ngày 30/06/2018	64.968.634.392	54.202.468.638	3.764.553.564	54.532.187	122.990.188.781		
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			25.071.021.171 đồng				
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý:			294.545.000 đồng				

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2018		Trong năm		01/01/2018		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn							
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng	2.940.893.850	2.940.893.850	1.470.446.925	1.470.446.925	2.940.893.850	2.940.893.850	
Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (*)	1.340.893.850	1.340.893.850	670.446.925	670.446.925	1.340.893.850	1.340.893.850	
Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (**)	1.600.000.000	1.600.000.000	800.000.000	800.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	
b) Vay dài hạn							
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (*)	16.268.044.633	16.268.044.633	-	1.470.446.925	17.738.491.558	17.738.491.558	
Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (**)	12.068.044.633	12.068.044.633	-	670.446.925	12.738.491.558	12.738.491.558	
Tổng cộng	4.200.000.000	4.200.000.000	800.000.000	800.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	
	19.208.938.483	19.208.938.483	1.470.446.925	2.940.893.850	20.679.385.408	20.679.385.408	

(*) Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 02/2015/HĐ - NHPT ngày 25/02/2015 giữa Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Hà Tĩnh với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh kế thừa hiệp định vay phụ được ký ngày 05/05/2004 giữa Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam với Công ty Quản lý Công trình Đô Thị Hà Tĩnh (nay là Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Hà Tĩnh), căn cứ trên Hiệp định vay số 2034 VIE - (SF) ngày 06/02/2004 giữa Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á về Dự án Cải thiện Môi trường Đô thị Miền Trung. Thời hạn cho vay là 20 năm, trong đó có 6 năm ân hạn tính từ thời điểm rút vốn của dự án, lãi suất cho vay là 5,4%/năm trên số dư nợ gốc vay. Số dư nợ gốc đến ngày 30/6/2018 là: 13.408.938.483 đồng.

(**) Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 03-17/TĐTT-QMT/HTURENCO ngày 10 tháng 02 năm 2017 với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam về vay đầu tư cho dự án Lò đốt rác 72 tấn/ngày đêm. Giá trị vay: 7.000.000.000 đồng, g. lãi suất: 2,6%/năm, 9 tháng ân hạn, trả lãi vay hàng tháng, nợ gốc hàng quý. Số dư nợ gốc đến ngày 30/6/2018 là: 5.800.000.000 đồng.

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

14. Phải trả người bán	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty CP Minh Phú Thịnh	246.747.000	246.747.000	784.946.000	784.946.000
Công ty TNHH TMDV Hoa Lập	702.700.000	702.700.000	640.600.000	640.600.000
Công ty CP ĐT XD-TM-XNK Việt Anh	893.375.954	893.375.954	1.865.278.468	1.865.278.468
Công ty CP công nghệ môi trường ENVIC	2.552.400.000	2.552.400.000	1.714.000.000	1.714.000.000
Công ty CP XD và TM số 8 Hà Tĩnh	385.425.400	385.425.400	1.128.130.800	1.128.130.800
Công ty TNHH xây dựng Nam Trường	61.571.000	61.571.000	61.571.000	61.571.000
Công ty TNHH MTV ánh Sáng Kinh Thành Tài Trí	-	-	998.400.000	998.400.000
Phải trả khác hàng khác	2.472.721.920	2.472.721.920	1.444.441.862	1.444.441.862
Cộng	7.314.941.274	7.314.941.274	8.637.368.130	8.637.368.130
15. Người mua trả tiền trước			30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
Ngắn hạn				
Cộng			-	-
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			Đơn vị tính: VND	
	Khoản mục	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ
Thuế GTGT	419.971.404	2.090.920.594	1.834.626.907	676.265.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.871.963	465.702.918	430.550.611	60.024.270
Thuế thu nhập cá nhân	(111.357.790)	148.550.783	6.712.952	30.480.041
Thuế môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	17.211.250	60.946.200	78.157.450	-
Các khoản khác: Cổ tức năm 2017		1.010.215.830	1.010.215.830	-
Cộng	350.696.827	3.784.336.325	3.368.263.750	766.769.402
17. Chi phí phải trả			30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
a) Ngắn hạn			1.105.518.692	1.093.264.278
Trích trước chi phí lãi vay			1.094.418.692	1.093.264.278
Phải trả ngắn hạn khác			11.100.000	-
b) Dài hạn			991.413.728	1.506.719.235
Trích trước chi phí lãi vay			991.413.728	1.506.719.235
Cộng			2.096.932.420	2.599.983.513
18. Phải trả khác			30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
a) Ngắn hạn			1.867.154.427	1.886.669.942

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Bảo hiểm xã hội		2.662.759
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	193.720.000	193.720.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Nợ vay ODA đầu tư thiết bị nhà máy chế biến phân hữu cơ (*)	1.657.822.427	1.673.337.183
Phải trả phải nộp khác	15.612.000	16.950.000
b) Dài hạn	3.353.644.854	4.221.342.959
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	38.000.000	38.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Nợ vay ODA đầu tư thiết bị nhà máy chế biến phân hữu cơ (*)	3.315.644.854	4.183.342.959
Cộng	5.220.799.281	6.108.012.901

(*) Căn cứ Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 01/2015/HĐ-NHPT ngày 25/2/2015 với giữa Công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Hà Tĩnh với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh kế thừa quyền và nghĩa vụ từ hợp đồng vay vốn ODA số 01/2012/HDODA-NHPT ngày 20/3/2012 giữa Công ty TNHH MTV Quản lý công trình đô thị Hà Tĩnh (nay Công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Hà Tĩnh) là với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh: gốc vay 685.830,30 EUR, thời hạn vay 12,5 năm, thời gian ân hạn 1,5 năm tính từ ngày 05/05/2009, thời hạn trả nợ gốc 11 năm, lãi suất nợ trong hạn 0%/năm tính trên dư nợ vay, Phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ. Kỳ hạn trả nợ gốc và phí là ngày 15/6 và 15/12 hàng năm, kỳ trả nợ gốc đầu tiên 15/12/2010, Mức trả nợ gốc mỗi kỳ hạn là 31.419,11 EUR.

Công văn số 1182/UBND-XD1 ngày 20/4/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thực hiện dự án xử lý rác thải Hà Tĩnh, vay ODA Bí thư Ủy ban nhân dân tỉnh cam kết bố trí ngân đầy đủ và kịp thời để chi trả các chi phí vốn vay phát sinh từ việc gia hạn thời gian giải ngân cho dự án và phí gia hạn thời gian rút vốn và đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch trả nợ vốn vay với Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Hiện tại, UBND tỉnh đang cấp kinh phí trả nợ dự án đúng kỳ hạn. Số dư nợ vay theo nguyên tệ: 188.514,66 EUR.

19. Doanh thu chưa thực hiện	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	330.409.091	132.000.001
Doanh thu cho thuê văn phòng	330.409.091	132.000.001
<i>Công ty Cổ phần Thời trang Mixzin</i>	<i>57.681.819</i>	<i>22.909.092</i>
<i>Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Anh</i>	<i>75.757.575</i>	<i>78.787.879</i>
<i>Cửa hàng thiết bị điện Việt Anh</i>	<i>196.969.697</i>	<i>30.303.030</i>
Cộng	330.409.091	132.000.001
20. Dự phòng phải trả	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	237.918.775	212.405.775
Dự phòng tiền lương	-	2.581.470.000
Cộng	237.918.775	2.793.875.775

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn XDCB	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2017	164.383.820.000	954.272.195	4.913.349.081	10.000.000.000	180.251.441.276
Lãi trong kỳ trước			3.661.401.035	-	3.661.401.035
Phân phối lợi nhuận kỳ trước		1.020.725.432	(3.399.191.223)	-	2.378.465.791
Trích lập quỹ đầu tư, phát triển		1.020.725.432	(1.020.725.432)		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi			(1.408.601.095)		
Chi trả cổ tức cho các cổ đông			(969.864.696)		
Số dư tại ngày 31/12/2017	164.383.820.000	1.974.997.627	5.175.558.893	10.000.000.000	181.534.376.520
Tăng vốn trong năm				1.100.000.000	1.100.000.000
Lãi trong kỳ			1.801.180.143	-	1.801.180.143
Tăng khác				-	-
Phân phối lợi nhuận trong năm			(4.327.141.751)	-	4.327.141.751
Trích lập quỹ đầu tư, phát triển		549.210.155	(549.210.155)	-	549.210.155
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi			(2.709.436.766)	-	2.709.436.766
Chi trả cổ tức cho các cổ đông			(1.068.494.830)	-	1.068.494.830
Số dư tại ngày 30/06/2018	164.383.820.000	2.524.207.782	2.649.597.285	11.100.000.000	180.657.625.067

21.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Vốn góp của Nhà nước (94,55%)	155.417.820.000	155.417.820.000
Vốn góp của các cổ đông khác (5,45%)	8.966.000.000	8.966.000.000
Cộng	164.383.820.000	164.383.820.000

21.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	164.383.820.000	164.383.820.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	164.383.820.000	164.383.820.000

21.4. Cổ phiếu

	30/06/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.438.382	16.438.382
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.438.382	16.438.382
- Cổ phiếu phổ thông	16.438.382	16.438.382
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.438.382	16.438.382
- Cổ phiếu phổ thông	16.438.382	16.438.382

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

21.5. Các quỹ của công ty

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2018
Quỹ đầu tư phát triển	1.974.997.627	549.210.155	-	2.524.207.782
Cộng	1.974.997.627	549.210.155	-	2.524.207.782

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
VND	VND

Doanh thu bán hàng, thành phẩm	35.648.718	260.128.547
Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích	21.794.997.607	19.459.253.283
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	-	229.449.997
Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.408.050.514	3.576.168.182
Cộng	27.238.696.839	23.525.000.009

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
VND	VND

Giảm giá hàng bán	168.113	59.381.818
Cộng	168.113	59.381.818

3. Giá vốn hàng bán

Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
---------------------------------	---------------------------------

Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	30.457.782	284.853.637
Giá vốn của dịch vụ công ích đã cung cấp	18.599.864.037	16.449.576.583
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	109.239.821	111.102.388
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	922.734.036	3.265.345.864
Cộng	19.662.295.676	20.110.878.472

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
VND	VND

Lãi tiền gửi ngân hàng	143.635.644	798.082.204
------------------------	-------------	-------------

Cộng

143.635.644 798.082.204

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	426.717.190	439.606.904
Cộng	426.717.190	439.606.904
6. Thu nhập khác	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Hoàn nhập Bảo hành công trình	70.802.000	197.253.000
Thanh lý vật tư, phế liệu thu hồi	-	-
Cộng	70.802.000	197.253.000
7. Chi phí khác	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	446.925	39.596.000
Cộng	446.925	39.596.000
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
8.1 Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	1.959.881.996	2.462.408.021
Chi phí nhân viên quản lý	1.130.682.522	1.282.257.417
Chi phí vật liệu quản lý	46.807.560	70.603.211
Chi phí đồ dùng văn phòng	85.516.293	56.372.278
Chi phí khấu hao TSCĐ	46.455.489	73.615.728
Thuế, phí và lệ phí	31.441.200	18.404.800
Chi phí dự phòng	49.749.900	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	372.124.277	332.321.897
Chi phí khác bằng tiền	197.104.755	628.832.690
8.2 Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	34.050.611	123.583.456
Chi phí nhân viên	33.250.611	119.049.036
Chi phí vật liệu, bao bì		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	800.000	1.198.000
Chi phí khác bằng tiền	-	-
Cộng	1.993.932.607	2.585.991.477

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	23.221.882.219	24.460.953.395
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	22.083.392.398	23.176.072.853
Chi phí bị loại trừ khi tính thuế	61.631.527	39.596.000
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.200.121.348	1.324.476.542
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	240.024.270	264.895.308
Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	240.024.270	264.895.308
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.336.059.718	7.546.275.945
Chi phí nhân công	10.199.996.017	12.460.588.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.777.850.062	2.892.678.376
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.113.614.713	1.047.349.645
Chi phí khác bằng tiền	592.406.458	986.803.057
Cộng	23.019.926.968	24.933.696.014
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	898.465.552	1.019.985.234
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	898.465.552	1.019.985.234
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.438.382	16.438.382
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	54,66	62,05

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.470.446.925	670.446.925
	1.470.446.925	670.446.925

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty khẳng định rằng trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 30/06/2018

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

2.1 UBND tỉnh Hà Tĩnh: Chủ sở hữu phần vốn nhà nước

Số dư với các bên liên quan	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Các khoản phải thu khác	4.973.467.281	5.856.680.142
UBND tỉnh Hà Tĩnh:	4.973.467.281	5.856.680.142
- Phải thu về trả nợ vay dự án nhà máy theo CV 1182	4.973.467.281	5.856.680.142

2.2 Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, kế toán trưởng, trưởng ban kiểm soát: người quản lý công ty

Thu nhập của người quản lý	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017 VND
Tiền lương của người quản lý chuyên trách	251.258.589	272.456.076
Thù lao thành viên HĐQT, thành viên ban kiểm soát	16.800.000	16.800.000
Cộng	268.058.589	289.256.076

3. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/04/2017 đến 30/6/2017 của công ty Cổ phần môi trường và công trình đô thị Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 06 năm 2018

Người lập biểu

Lê Thị Thu Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ánh

Giám đốc



Nguyễn Duy Bằng